

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26/8/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu; Ông Hồ Quang Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị C, sinh năm 1994 (Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1995 (Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 27/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị C và anh Trần Văn B đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị C và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Do không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay chị C và anh B không còn chung sống với nhau. Việc mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không

đạt được, không thể kéo dài, chị Đỗ Thị C giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Trần Văn B.

- Về con chung: Chị C và anh B có 01 con chung là Trần Văn A, sinh ngày 09/9/2017. Theo đơn khởi kiện, chị C có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Chị C không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị C thay đổi ý kiến về việc nuôi con là chị C đồng ý giao con Trần Văn A cho anh Trần Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đỗ Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh B đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh B đồng ý ly hôn chị Đỗ Thị C.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Văn A, sinh ngày 09/9/2017. Anh Trần Văn B có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Trần Văn A đến tuổi trưởng thành. Anh B không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị Đỗ Thị C, anh Trần Văn B chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về án phí: Buộc chị Đỗ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 bản sao trích lục khai sinh; 02 bản sao căn cước công dân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Bị đơn là anh Trần Văn B có nơi cư trú tại Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị C, anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01/2014 thể hiện chị Đỗ Thị C và anh Trần Văn B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông ngày 27/10/2014. Do đó, hôn nhân giữa chị Đỗ Thị C và anh Trần Văn B là hôn nhân hợp pháp quy định tại theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét yêu cầu ly hôn của chị C, xét thấy sau khi kết hôn vợ chồng chị Đỗ Thị C và anh Trần Văn B xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay anh chị không còn chung sống với nhau. Anh Trần Văn B đồng ý ly hôn chị Đỗ Thị C. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi chị C và anh B sinh sống thì chính quyền không nắm được vợ chồng anh chị có mâu thuẫn hay không. Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị C, ý kiến của anh B và quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật, yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị C là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh B có 01 con chung là Trần Văn A, sinh ngày 09/9/2017. Anh Trần Văn B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành. Chị Đỗ Thị C đồng ý giao con chung cho anh Trần Văn B nuôi dưỡng.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Xét thấy con chung của chị C và anh B chưa thành niên, cần người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Cháu Trần Văn A đang ở cùng với anh B, đang học tập, phát triển ở môi trường ổn định. Mặt khác, tại lời khai của chị C đồng ý giao cháu Trần Văn A cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu

Trần Văn A, sinh ngày 09/9/2017 cho anh Trần Văn B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Anh B không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị C và anh B có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Đỗ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị C được ly hôn anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Văn A, sinh ngày 09/9/2017 cho anh Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Văn B không yêu cầu chị Đỗ Thị C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn Chị Đỗ Thị C, anh Trần Văn B có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đỗ Thị C và anh Trần Văn B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000526 ngày 27/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nông;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Nhi

